



Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2021

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa**

Theo quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá tác động của các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 132/2008/NĐ-CP), Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (Nghị định số 74/2018/NĐ-CP), Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường (Nghị định số 86/2012/NĐ-CP) và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa như sau:

### **A. Đối với Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP**

#### **I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

##### **1.1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Để triển khai Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành hơn 200 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật) và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện.

Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng) cũng như hoạt động tôn vinh, khen thưởng về chất lượng cho các tổ chức, cá nhân, trong đó có cả giải thưởng chất lượng quốc gia từ cấp địa phương đến trung ương. Qua gần 12 năm triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, thị trường trong nước và quốc tế đã có nhiều chuyên biến tích cực theo sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc cần xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Nghị định số 74/2018/NĐ-CP về cơ bản đã giải quyết được các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

#### 1.1.1. Các nội dung chính tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP:

a) Quy định việc xác định sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn theo hướng giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ để phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP.

b) Quy định về thủ tục kiểm tra hàng hóa nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu. Theo đó, căn cứ mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lựa chọn biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu cho phù hợp, cụ thể:

- Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân;
- Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;
- Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Đồng thời tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; việc miễn giảm kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu. Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm (việc kiểm tra căn cứ trên cơ sở kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật), thời gian kiểm tra và thông quan hàng hóa chỉ tối đa 01 ngày. Đồng thời, đã quy định đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

c) Quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp để bảo đảm hoạt động chỉ định được thực hiện thống nhất, tuân thủ theo đúng các quy định, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

d) Quy định cụ thể hơn các nội dung về “Giải thưởng chất lượng quốc gia” để phù hợp với thực tế triển khai, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giải thưởng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

đ) Mã số mã vạch (MSMV) là một công cụ hữu hiệu được ứng dụng phổ biến trong quản lý và được sử dụng bởi tất cả các bên trong chuỗi cung ứng như nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng... Trong thời đại phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số MSMV là tiện ích đóng vai trò to lớn trong việc giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm,

hàng hóa, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm, từ đó các bên tham gia trong chuỗi cung ứng có thể ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, triệu hồi sản phẩm, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Trong quản lý chất lượng sản phẩm, MSMV là yếu tố cơ bản liên kết thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm (công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy của sản phẩm, hàng hóa); là công cụ phục vụ nhà sản xuất giám sát chất lượng sản phẩm, truy tìm, xác định nguồn gốc, nguyên nhân sự cố liên quan đến sản phẩm; người tiêu dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin về chất lượng sản phẩm; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý quá trình sản xuất và lưu thông sản phẩm.

Do đó, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về quản lý mã số, mã vạch để phát huy được vai trò của mã số, mã vạch và quản lý thống nhất hoạt động này.

e) Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá nhằm tăng thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ như giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động đánh giá sự phù hợp trong phạm vi cả nước; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp; chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch kiểm tra về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa hàng năm đối với các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; xử lý vi phạm theo thẩm quyền, đưa ra cảnh báo hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý. Đồng thời, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng ký và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề nghị các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xử lý theo thẩm quyền.

g) Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, phù hợp với các văn bản có liên quan (Luật An toàn vệ sinh thực phẩm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Nghị định quản lý phân bón...) và để thống nhất với trách nhiệm về xây dựng, ban hành QCVN của các Bộ quản lý chuyên ngành.

h) Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp để tăng thêm vai trò, trách nhiệm đầu mối của Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương như chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm tại địa phương về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa tại các cơ sở kinh doanh nhiều sản phẩm, hàng hóa chịu sự quản lý của nhiều Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp, hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng sản

phẩm, hàng hóa tại địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; chủ trì tổ chức việc khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa tại địa phương để cảnh báo cho người tiêu dùng và các cơ quan hữu quan tại địa phương.

### 1.1.2. Một số khó khăn, vướng mắc

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1258/QĐ-TTg). Theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.
- Nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.
- Quy định cụ thể về hàng không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và giải thích loại hình phi mậu dịch.

Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, Hội, doanh nghiệp<sup>1</sup> về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Theo đó, quy định này là tạo thêm thủ tục hành chính, gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu khi phải mất thời gian để làm thủ tục trước khi xuất khẩu hàng hóa.

Bên cạnh đó, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP như sau:

- Hệ thống các văn bản pháp lý của Việt Nam về vấn đề truy xuất nguồn gốc xuất xứ còn rất sơ khai, chủ yếu là các văn bản quy định, hướng dẫn nhằm giải quyết một phần yêu cầu của thực tiễn vận hành, quản lý đặt ra, chưa mang tính tiêu chuẩn, quy chuẩn, chưa phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

<sup>1</sup> Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội Da giày - Túi xách, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam, Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Parkerizing Hà Nội, Công ty TNHH Joyomark (Việt Nam), Công ty TNHH Shihen Việt Nam, Công ty TNHH Toyo Inn Compounds Việt Nam.

Đồng thời, đang tồn tại một số vấn đề bất cập trong quá trình triển khai truy xuất nguồn gốc thời gian qua.

- Vẫn còn chông chéo về trách nhiệm quản lý chất lượng giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*”, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đồng thời, chưa quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý (trừ vàng) và đá quý, ảnh hưởng quyền lợi của người tiêu dùng.

Do đó, việc rà soát, sửa đổi bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế là vấn đề đặt ra cần phải giải quyết.

## **1.2. Mục tiêu ban hành chính sách**

Việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP nhằm đạt các mục tiêu:

1. Tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp, phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong nhiều năm trở lại đây là xây dựng Chính phủ kiến tạo.

2. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp và mục tiêu quản lý Nhà nước.

3. Thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ASEAN...

4. Giải quyết được các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thời gian vừa qua.

5. Phù hợp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới hiện nay.

## **II. Đánh giá tác động của chính sách**

**1. Đối với các nội dung theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg**

### **1.1. Nội dung 1**

***Nghiên cứu, bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.***

#### **1.1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg thì điểm k khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) chỉ nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu mới được miễn kiểm tra chất lượng. Như vậy, hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa không được miễn kiểm tra chất lượng. Quy định như vậy là chưa phù hợp do hàng hóa hoàn chỉnh khi đưa ra lưu thông đã phải

kiểm tra chất lượng nên nguyên liệu để sản xuất không cần phải kiểm tra. Do đó, cần bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

### 1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất tiêu thụ nội địa.

### 1.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

#### ***Phương án 1:***

Đề nghị bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không kiểm soát được chất lượng hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất.

- Đối với tổ chức, cá nhân: có thể lợi dụng quy định này để nhập khẩu hàng hóa không phù hợp quy định về chất lượng, sử dụng không đúng mục đích.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: tạo môi trường thông thoáng cho các doanh nghiệp nhập khẩu.

- Đối với tổ chức, cá nhân: thông thoáng trong quá trình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

#### ***Phương án 2:***

Đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành, chỉ miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, không miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với tổ chức, cá nhân: mất thêm thời gian để làm thủ tục nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: kiểm soát được chất lượng hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất; tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để nhập khẩu hàng hóa không phù hợp quy định về chất lượng, sử dụng không đúng mục đích.

- Đối với tổ chức, cá nhân: nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình nhập khẩu, bảo đảm chất lượng của hàng hóa nhập khẩu.

**Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:**

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, các sản phẩm thực phẩm được quản lý theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Khái niệm “nguyên liệu” tại Luật An toàn thực phẩm được hiểu là các nguyên liệu nhập khẩu về chỉ để sản xuất thực phẩm (ví dụ bột mì, đường...).

Còn các sản phẩm khác (bao gồm nhất nhiều loại hàng hóa nhóm 2 khác nhau) hiện nay được quản lý theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018. Theo đó, sản phẩm thành phẩm (nhưng được hiểu là nguyên liệu) được nhập khẩu về để sản xuất ra sản phẩm khác (ví dụ thép nhập khẩu về để sản xuất các mặt hàng công nghiệp; linh kiện ô tô, xe máy nhập khẩu để lắp ráp ô tô, xe máy; mặt hàng dệt may nhập khẩu để sản xuất quần áo...). Do đó, nếu quy định miễn kiểm tra sản phẩm này (được hiểu là nguyên liệu để sản xuất sản phẩm khác) thì cơ quan quản lý nhà nước sẽ khó kiểm soát hàng hóa nhóm 2, doanh nghiệp nhập khẩu sẽ cố tình tìm cách để không phải thực hiện biện pháp quản lý đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.

Đồng thời, qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể như sau:

- Đối với các Bộ, ngành:

+ 03 Bộ, ngành không có ý kiến do không trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng, kiểm tra chuyên ngành: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ 05 Bộ, ngành đề nghị cân nhắc việc bổ sung quy định này do nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa có thể vẫn có khả năng gây mất an toàn cho con người, môi trường... khi không sử dụng đúng mục đích hoặc việc kiểm tra chất lượng vật tư cho sản xuất hàng quốc phòng là rất quan trọng: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an.

+ 03 Bộ và VCCI thống nhất việc bổ sung quy định này do nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, Bộ Công Thương cho rằng cần kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm ở đầu ra, làm rõ nội hàm khái niệm “nguyên liệu” phù hợp với mục tiêu quản lý để tránh tạo lỗ hổng pháp lý.

+ 01 Bộ, ngành chưa có ý kiến cụ thể: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Một số Bộ, ngành chưa có ý kiến đánh giá về nội dung này: Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục Đào tạo.

- Đối với địa phương:

+ 38 địa phương cho rằng cần bổ sung miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa: Hà Tĩnh, Tây Ninh, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Bình Phước, Hà Giang, Quảng Trị, Quảng Bình, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nội, Điện Biên, Vĩnh Long, Bắc Kạn, Quảng Ngãi, Đồng Tháp, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Ninh Bình, Ninh Thuận, Đắk Nông, Tiền Giang, Bến Tre, Cà Mau, Thái Nguyên, Quảng Nam, Hải Dương, Phú Thọ, Gia Lai, Bắc Giang, Cần Thơ, Hà Nam, Nam Định, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lai Châu, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ 10 địa phương cho rằng cần cân nhắc cân trọng quy định bổ sung miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa: Bắc Ninh, An Giang, Khánh Hòa, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng, Kiên Giang, Hậu Giang, Long An, Đồng Nai.

+ 10 địa phương chưa có ý kiến đánh giá cụ thể do chưa phát sinh hồ sơ liên quan: Đắk Lắk, Trà Vinh, Lâm Đồng, Yên Bái, Bình Định, Hòa Bình, Phú Yên, Quảng Ninh, Kon Tum, Bạc Liêu.

+ 05 địa phương chưa có ý kiến đánh giá: Hải Phòng, Nghệ An, Sơn La, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị bổ sung quy định miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, tuy nhiên, sẽ quy định cụ thể các loại nguyên liệu được miễn kiểm tra nhập khẩu. Cụ thể đề xuất quy định như sau: *“Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng”*.

## 1.2. Nội dung 2

***Nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) liên quan đến quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.***

### 1.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) là làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa.

### 1.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu quản lý của Nhà nước.

### 1.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

#### **Phương án 1:**

Đề nghị bỏ quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, yêu cầu Cơ quan hải quan phải chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu của người nhập khẩu khi khai báo hải quan hoặc quy định người nhập khẩu bắt buộc phải thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng qua Cổng thông tin một cửa Quốc gia để cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: cơ quan hải quan phải đầu tư nguồn lực, đẩy nhanh việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với các Bộ, ngành.

- Đối với tổ chức, cá nhân: người nhập khẩu phải thay đổi thói quen, đầu tư trang thiết bị để thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng qua Cổng thông tin một cửa Quốc gia.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: tạo môi trường thông thoáng cho các doanh nghiệp nhập khẩu.

- Đối với tổ chức, cá nhân: thông thoáng trong quá trình nhập khẩu hàng hóa.

#### **Phương án 2:**

Đề nghị giữ nguyên quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với tổ chức, cá nhân: mất thêm thời gian để làm thủ tục xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra, giám sát (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Đối với tổ chức, cá nhân: nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình nhập khẩu, bảo đảm chất lượng của hàng hóa nhập khẩu.

***Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:***

Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã đổi mới phương thức quản lý nhà nước từ chủ yếu tiền kiểm sang chủ yếu hậu kiểm gắn liền áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân (áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra hàng nhập khẩu), cụ thể:

- Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp hậu kiểm, thời gian kiểm tra và thông quan hàng hóa chỉ tối đa 01 ngày.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.

Đồng thời, ngày 09/11/2018, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 154/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành, trong đó đã làm rõ quy định nêu trên và trình tự, thủ tục để được miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu để cơ quan kiểm tra, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, *trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, người nhập khẩu nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng cho cơ quan kiểm tra chuyên ngành thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, không phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành cho cơ quan hải quan theo quy định tại điểm b khoản 2a và điểm b khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.*

Do đó, phương án này sẽ giúp cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra (hậu kiểm) đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (được áp dụng biện pháp hậu kiểm quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) trong trường hợp *doanh nghiệp nhập khẩu không thực hiện thủ tục hành chính về kiểm tra chất lượng hàng hóa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia*, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Đồng thời, qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của các Bộ, ngành, địa phương, về cơ bản nhiều Bộ, ngành, địa phương đều cho rằng việc đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa

nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP là cần thiết, cụ thể như sau:

- Đối với các Bộ, ngành:

+ 03 Bộ, ngành không có ý kiến do không trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ 04 Bộ, ngành cho rằng việc đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP là cần thiết: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an.

+ 01 Bộ, ngành chưa nhận được phản ánh về các khó khăn, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân khi thực hiện quy định đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ 03 Bộ, ngành cho rằng việc đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP là không cần thiết: Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính.

+ Một số Bộ, ngành chưa có ý kiến đánh giá về nội dung này: Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường và VCCI.

- Đối với địa phương:

+ 33 địa phương cho rằng việc đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP là cần thiết: Kon Tum, Hà Nam, Hậu Giang, Bắc Giang, Quảng Nam, Hòa Bình, Bình Định, Kiên Giang, Sóc Trăng, Đắk Nông, Ninh Thuận, Ninh Bình, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Lào Cai, Hà Nội, Khánh Hòa, Hưng Yên, Thái Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, An Giang, Hà Giang, Bình Phước, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Cao Bằng, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Lai Châu.

+ 07 địa phương cho rằng việc đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP là không cần thiết hoặc xem xét lại để tạo điều kiện thông thoáng hơn cho doanh nghiệp: Long An, Cần Thơ, Phú Thọ, Cà Mau, Bến Tre, Đồng Tháp, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ 16 địa phương chưa có ý kiến cụ thể về việc cần thiết hay không cần thiết đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa: Lạng Sơn, Nam Định, Quảng Ninh, Phú Yên, Gia Lai, Hải Dương, Thái Nguyên, Tiền Giang, Yên Bái, Lâm Đồng, Trà Vinh, Bắc Kạn, Vĩnh Long, Điện Biên, Đắk Lắk, Tây Ninh, Bình Thuận, Bạc Liêu.

+ 05 địa phương chưa có ý kiến đánh giá: Hải Phòng, Nghệ An, Sơn La, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Chính phủ lựa chọn Phương án 2 là giữ nguyên quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

### **1.3. Nội dung 3**

***Nghiên cứu, xem xét quy định cụ thể đối với hàng hóa nhập khẩu là các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật quy định tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).***

#### **1.3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định việc miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch). Tuy nhiên, hiện nay không rõ quy định hàng không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và loại hình phi mậu dịch là loại hình gì, dẫn đến vướng mắc khi thực hiện thủ tục hải quan đối với các hàng hóa này.

#### **1.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan.

#### **1.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

##### ***Phương án 1:***

Đề nghị giao cho Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung này. Trường hợp không ban hành được quy định này thì kiến nghị bãi bỏ quy định miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch).

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

##### **a) Tác động tiêu cực:**

- Đối với Nhà nước: Bộ Tài chính phải đầu tư nguồn lực để nghiên cứu, quy định cụ thể nội dung này.

- Đối với tổ chức, cá nhân: phải thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với các loại hàng hóa này khi nhập khẩu trong trường hợp Bộ Tài chính không quy định cụ thể được nội dung này.

## b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để gian lận, nhập khẩu hàng không đáp ứng chất lượng.
- Đối với tổ chức, cá nhân: trường hợp Bộ Tài chính quy định cụ thể được nội dung này thì sẽ giúp thông thoáng cho doanh nghiệp nhập khẩu.

**Phương án 2:**

Đề nghị giữ nguyên quy định tại điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP), khi nào có văn bản pháp luật quy định về các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) thì thực hiện theo quy định tại văn bản này.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

## a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.
- Đối với tổ chức, cá nhân: phải thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với các loại hàng hóa này khi nhập khẩu cho đến khi có văn bản pháp luật quy định về nội dung này.

## b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để gian lận thương mại.
- Đối với tổ chức, cá nhân: nâng cao ý thức trách nhiệm, không lợi dụng quy định để gian lận thương mại.

**Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:**

Điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định *các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật*.

Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).

Vì vậy, hiện nay không có quy định của pháp luật về loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch).

Đồng thời, qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể như sau:

- Đối với các Bộ, ngành:

+ 03 Bộ, ngành không có ý kiến do không trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng, kiểm tra chuyên ngành: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ 06 Bộ, ngành và VCCI cho rằng cần cụ thể hóa loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch): Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ 01 Bộ, ngành chưa nhận được phản ánh về các khó khăn, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân khi thực hiện quy định miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ 02 Bộ, ngành chưa có ý kiến cụ thể: Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Một số Bộ, ngành chưa có ý kiến đánh giá về nội dung này: Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục Đào tạo.

- Đối với địa phương:

+ 33 địa phương cho rằng cần cụ thể hóa loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch): Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Bình Phước, Hà Giang, Quảng Trị, Thái Bình, Hưng Yên, Khánh Hòa, Hà Nội, Vĩnh Long, Bắc Kạn, Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Dương, Ninh Bình, Ninh Thuận, Tiền Giang, Bến Tre, Cà Mau, Thái Nguyên, Bình Định, Hải Dương, Phú Thọ, Bắc Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Long An, Lạng Sơn, Cao Bằng, Đồng Nai, Lai Châu, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ 23 địa phương chưa có ý kiến về việc có cần cụ thể hóa loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch): Tây Ninh, Thanh Hóa, An Giang, Quảng Bình, Đắk Lắk, Điện Biên, Lào Cai, Quảng Ngãi, TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đắk Nông, Yên Bái, Sóc Trăng, Kiên Giang, Hòa Bình, Quảng Nam, Gia Lai, Phú Yên, Quảng Ninh, Nam Định, Kon Tum, Bình Thuận, Bạc Liêu.

+ 02 địa phương có ý kiến cho rằng không cần sửa đổi, bổ sung quy định này: Thừa Thiên Huế, Hà Nam.

+ 05 địa phương chưa có ý kiến đánh giá cụ thể do chưa phát sinh hồ sơ liên quan: Hải Phòng, Nghệ An, Sơn La, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Chính phủ lựa chọn Phương án 1 là giao cho Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung này. Trường hợp không ban hành được quy định này thì kiến nghị bãi bỏ quy định miễn kiểm tra đối với các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) để tránh trường hợp các tổ chức, cá nhân lợi dụng quy định để gian lận, nhập khẩu hàng hóa không đáp ứng chất lượng.

## 2. Các nội dung khác

### 2.1. Nội dung 1

***Nghiên cứu, bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP):***

#### 2.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài. Theo đó, tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận sử dụng mã số nước ngoài phải lập hồ sơ gửi cơ quan thường trực về mã số, mã vạch để được xem xét, cấp Giấy xác nhận sử dụng mã nước ngoài.

Ngày 04/11/2020, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật về sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài để phù hợp thực tiễn sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam và bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo đúng quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật (tại công văn số 9208/VPCP-KGVX).

Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã nhận được ý kiến phản ánh của một số Hiệp hội, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

#### 2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Giải quyết các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19 hiện nay.

#### 2.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

##### ***Phương án 1:***

Đề nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

##### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không kiểm soát được việc tổ chức, cá nhân được đối tác nước ngoài ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch.

- Đối với tổ chức, cá nhân: có thể lợi dụng quy định này để sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài không đúng quy định, gian lận nguồn gốc xuất xứ, ảnh hưởng đến uy tín của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: tạo môi trường thông thoáng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19 hiện nay.

- Đối với tổ chức, cá nhân: thông thoáng trong quá trình xuất khẩu hàng hóa có sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài.

**Phương án 2:**

Đề nghị giữ nguyên khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với tổ chức, cá nhân: mất thêm thời gian để làm thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài.

b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: kiểm soát được việc tổ chức, cá nhân được đối tác nước ngoài ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch; tránh trường hợp tổ chức, cá nhân có thể lợi dụng quy định này để sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài không đúng quy định, gian lận nguồn gốc xuất xứ, ảnh hưởng đến uy tín của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Đối với tổ chức, cá nhân: nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng mã nước ngoài.

**Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:**

**Ứng dụng mã số mã vạch trên thế giới**

Mã số, mã vạch ngày nay được ứng dụng rộng rãi trên thế giới. Để thuận tiện trong việc quản lý hàng hóa và đưa sản phẩm vào các hệ thống bán lẻ tại các siêu thị hoặc các hệ thống bán hàng tự động, thì việc sử dụng mã số, mã vạch là rất cần thiết. Việc ứng dụng mã số, mã vạch giúp (1) các doanh nghiệp dễ dàng trong quản lý sản phẩm của mình; (2) Cơ quan nhà nước cũng dễ dàng trong việc quản lý sản phẩm, hàng hóa, cũng như hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đó

vì trên mã số mã vạch có đầy đủ những thông tin về nhà sản xuất, thông tin về sản phẩm, hàng hoá đó; (3) Phục vụ cho việc tham gia vào hệ thống bán lẻ tại các siêu thị, hoặc các hệ thống bán hàng tự động trong phạm vi cả nước; (4) Phục vụ cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

Sử dụng mã số, mã vạch trên sản phẩm, hàng hóa cho phép hạn chế nhầm lẫn trong khâu nhận dạng sản phẩm, tiết kiệm thời gian làm việc nên tính chính xác và hiệu suất làm việc được nâng cao. Mã số, mã vạch được chấp nhận ở mọi điểm trong chuỗi cung ứng quốc tế và trong mỗi quốc gia thành viên sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo các hoạt động cung ứng quốc tế; tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động quản lý phân phối, biết được xuất xứ, nguồn gốc của mỗi loại sản phẩm; trong các giao dịch mua bán sẽ kiểm soát được tên, mẫu mã, quy cách, giá cả xuất xứ, nhập kho hàng không bị nhầm lẫn và nhanh chóng, thuận tiện; thuận lợi trong dịch vụ trao đổi thông tin điện tử, mã số mã vạch là ngôn ngữ quốc tế để soạn thảo các gói tin về đơn hàng, vận chuyển, thanh toán... Đây là điều kiện không thể thiếu và là một thách thức với các bên tham gia vào thương mại điện tử toàn cầu; đẩy mạnh thúc đẩy sự phát triển thị trường, mở rộng thị phần, tham gia vào thị trường quốc tế và đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu.

Chính vì vậy, mỗi một doanh nghiệp được GS1 cung cấp 1 mã số (GTIN) duy nhất trên toàn cầu để nhận diện một dòng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp mình hoặc của doanh nghiệp được ủy quyền để tận dụng tối đa các lợi ích của việc ứng dụng mã số, mã vạch, tạo thuận lợi trong thương mại.

#### Vai trò của mã số, mã vạch với phát triển kinh tế - xã hội

Theo xu hướng thế giới, việc ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý doanh nghiệp đang là nhu cầu tất yếu. Công nghệ sử dụng mã số, mã vạch ngày càng khẳng định vị trí và vai trò của mình đối với sự phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế đất nước mở cửa hội nhập với kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng.

Việc quy định quản lý nhà nước về mã số, mã vạch và việc sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài đã được quy định từ gần 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số, mã vạch và các VBQPPL hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006 và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN) và được thực hiện trước khi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 được ban hành.

Theo thông lệ quốc tế, khi đăng ký với GS1 (Tổ chức mã số mã vạch toàn cầu), một doanh nghiệp sẽ được cấp một hoặc một số tiền tố doanh nghiệp (GCP) và từ đó cho phép tạo ra các mã định danh dòng sản phẩm (GTIN), đơn nhất trên toàn cầu. Do đó, các doanh nghiệp khác muốn sử dụng mã nước ngoài đã được đăng ký của doanh nghiệp chủ sở hữu mã thì phải được ủy quyền của doanh

nghiệp này. Điều này tạo sự minh bạch, góp phần chống gian lận trong quá trình thương mại quốc tế.

Việc quản lý hệ thống mã số, mã vạch quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, cung cấp thông tin và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tạo ra sự minh bạch trong sản xuất, chống việc giả tên của doanh nghiệp chủ sở hữu mã số, mã vạch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ uy tín và hình ảnh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

Mã số, mã vạch giúp thúc đẩy thương mại và hội nhập quốc tế thông qua việc: tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử toàn cầu; giúp truy xuất nguồn gốc sản phẩm thuận lợi, cung cấp dữ liệu sản phẩm cho đối tác thương mại; tích hợp với dữ liệu hải quan và cơ quan thuế nhằm tạo thuận lợi cho khai báo, thông quan, tính thuế; hỗ trợ kiểm soát luồng hàng xuất nhập khẩu.

Hiện nay, các nước đang tăng cường kiểm tra nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nhờ mã số, mã vạch. Trong bối cảnh căng thẳng thương mại gia tăng giữa các quốc gia, gian lận xuất xứ đã ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất của các doanh nghiệp chân chính, uy tín của các sản phẩm và môi trường kinh doanh từng quốc gia. Để chắc chắn rằng không có chỗ cho gian lận xuất xứ, vì có thể biên một nước nào đó thành điểm trung chuyển hàng xuất khẩu giả sang nước thứ ba, một số nước đã áp dụng các biện pháp trấn áp hàng giả và gian lận xuất xứ để đảm bảo uy tín của sản phẩm hàng hóa của quốc gia mình.

Cũng như nhiều quốc gia, ở Việt Nam, thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát, Hải quan chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận, làm giả xuất xứ, dán nhãn hàng hóa, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trung chuyển hàng hóa trái phép. Việc xác minh sử dụng mã nước ngoài, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc ghi nhãn hàng hóa lưu thông để kịp thời phát hiện các hành vi ghi nhãn hàng gian lận, làm giả sản phẩm tại Việt Nam, tăng cường năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế và đồng thời minh bạch hóa nguồn gốc của các sản phẩm trên thị trường, tăng uy tín đối với khách hàng.

*Các nội dung Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp*

Để hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Thủ tướng với Doanh nghiệp tháng 5/2020, đặc biệt trong bối cảnh Doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ động triển khai hàng loạt các hoạt động để hỗ trợ Doanh nghiệp xử lý vướng mắc:

*Thứ nhất*, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính xác nhận sử dụng mã nước ngoài trong thời gian 01 ngày (24 giờ) (theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, nếu hồ sơ không đầy đủ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ và đã nộp phí theo quy định thì thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc). Đồng thời xem xét, đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục hành chính này trên dịch vụ công trực tuyến mức độ

4 và nghiên cứu tích hợp với Cổng thông tin một cửa quốc gia để đáp ứng yêu cầu của Chính phủ về triển khai xây dựng Chính phủ điện tử.

*Thứ hai*, đã yêu cầu các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương tiếp nhận hồ sơ đăng ký xác nhận sử dụng mã nước ngoài.

*Thứ ba*, kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, giảm 50% mức phí cấp xác nhận sử dụng mã nước ngoài. Ngày 26/5/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2020/TT-BTC (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2020 đến hết ngày 31/12/2020), trong đó quy định kể từ ngày 26/5/2020, phí đăng ký (xác nhận) sử dụng mã số mã vạch nước ngoài sẽ nộp phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

3. Ngày 20/5/2020, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã chủ trì cuộc họp với các Bộ, ngành như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và Tổ tư vấn về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia... để bàn các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

a) Tại cuộc họp, Bộ Khoa học và Công nghệ đã báo cáo việc chủ động triển khai các hoạt động để hỗ trợ doanh nghiệp xử lý vướng mắc và đề xuất phương án giải quyết. Cũng tại cuộc họp này, các Bộ cũng cho biết:

- Việc sử dụng mã số mã vạch của các đối tác nước ngoài góp phần giúp hàng hoá của Việt Nam xuất khẩu thuận lợi hơn.

- Có một số trường hợp doanh nghiệp cố tình sử dụng những mã số mã vạch nước ngoài mà không được uỷ quyền, thậm chí đã có phản ánh từ một số doanh nghiệp nước ngoài, dẫn đến nguy cơ hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam gặp khó khăn tại các thị trường quốc tế, sẽ gây ảnh hưởng đến uy tín sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

- Tuy nhiên, qua phản ánh từ doanh nghiệp, các ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp... cũng nhìn nhận trong quá trình triển khai thực tế, việc hướng dẫn sử dụng mã nước ngoài cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa cần được thể hiện rõ hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là trong thời kỳ giúp Doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

Các Bộ cũng đã thống nhất, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi Bộ Tài chính, trong đó hướng dẫn cụ thể về các hình thức uỷ quyền cho phép sử dụng mã nước ngoài, việc tăng cường thực hiện hậu kiểm đối với doanh nghiệp sử dụng mã nước ngoài.

b) Ngày 25/5/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 1493/BKH-CN-TĐC gửi Bộ Tài chính hướng dẫn rõ về bằng chứng cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chủ sở hữu mã nước ngoài uỷ quyền sử dụng, bao gồm một trong các hình thức, gồm: Văn bản uỷ quyền, thư uỷ quyền hoặc hợp đồng gia công hoặc thư điện tử uỷ quyền hoặc các hình thức uỷ quyền

khác được quốc tế công nhận, có ký tên và đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các tài liệu cung cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu (làm rõ quy định tại Khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đề nghị Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan thông báo cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng những trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu chưa có văn bản xác nhận hoặc ủy quyền sử dụng mã nước ngoài để theo dõi, tổ chức thực hiện hậu kiểm. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng sẽ phối hợp với Tổng cục Hải quan và các cơ quan có liên quan tăng cường công tác hậu kiểm đối với việc sử dụng mã nước ngoài của doanh nghiệp xuất khẩu.

c) Ngày 09/6/2020, Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) đã có công văn số 3776/TCHQ-GSQL gửi Cục Hải quan các tỉnh, thành phố về việc sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu, trong đó cũng đã nêu rõ *“Cơ quan hải quan không thực hiện xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến sử dụng mã số mã vạch nước ngoài gắn trên hàng hóa xuất khẩu. Trường hợp trong thông quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra, điều tra các vụ án phát hiện doanh nghiệp xuất khẩu chưa có văn bản xác nhận hoặc ủy quyền sử dụng mã nước ngoài thì có văn bản thông báo cụ thể cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng biết để xử lý theo quy định”*.

Đây chính là nội dung Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai mạnh mẽ nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nâng cao hơn ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng mã nước ngoài của mình, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam và quốc tế cũng như vẫn đảm bảo được hình ảnh và uy tín của sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, giảm thiểu các tác động bất lợi của quốc tế có thể gây ra đối với các sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam.

Đồng thời, qua tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể như sau:

- Đối với các Bộ, ngành:

+ 03 Bộ, ngành không có ý kiến do không trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý chất lượng, kiểm tra chuyên ngành: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ 03 Bộ, ngành đề nghị sửa đổi thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

+ 01 Bộ thống nhất bãi bỏ thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài: Bộ Quốc phòng và VCCI.

+ 01 Bộ, ngành chưa nhận được phản ánh của các doanh nghiệp nhập khẩu về vướng mắc trong thực hiện xác nhận sử dụng mã nước ngoài: Bộ Xây dựng.

+ 04 Bộ, ngành chưa có ý kiến cụ thể: Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Một số Bộ, ngành chưa có ý kiến đánh giá: Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục Đào tạo.

- Đối với địa phương:

+ 17 địa phương cho rằng cần sửa đổi hoặc bãi bỏ thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu: Đồng Nai, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đắk Nông, Sóc Trăng, Bến Tre, Kiên Giang, Thái Nguyên, Hải Dương, Hậu Giang, Cần Thơ, Lạng Sơn, Cao Bằng

+ 03 địa phương cho rằng thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài là phù hợp với tình hình thực tế: An Giang, Quảng Nam, Hà Nam.

+ 38 địa phương chưa có ý kiến đánh giá cụ thể do chưa phát sinh hồ sơ liên quan: Bắc Ninh, Tây Ninh, Thanh Hóa, Bình Phước, Hà Giang, Quảng Trị, Quảng Bình, Đắk Lắk, Thái Bình, Hưng Yên, Khánh Hòa, Điện Biên, Lào Cai, Vĩnh Long, Bắc Kạn, Quảng Ngãi, Trà Vinh, Đồng Tháp, Ninh Bình, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Yên Bái, Tiền Giang, Cà Mau, Bình Định, Hòa Bình, Phú Thọ, Gia Lai, Phú Yên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Nam Định, Long An, Kon Tum, Lai Châu, Bạc Liêu, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ 05 địa phương chưa có ý kiến đánh giá: Hải Phòng, Nghệ An, Sơn La, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc.

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Chính phủ lựa chọn Phương án 1 là bãi bỏ khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp. Việc bãi bỏ các quy định này sẽ khó khăn cho công tác quản lý nhà nước trong thực tế, không kiểm soát được việc tổ chức, cá nhân được đối tác nước ngoài ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch. Tuy nhiên, để thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 9208/VPCP-KGVX ngày 04/11/2020 và kiến nghị của các Hiệp hội, Hội, doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19 hiện nay.

## **2.2. Nội dung 2**

***Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.***

### **2.2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa quy định cụ thể về hoạt động truy xuất nguồn gốc. Tuy nhiên, tại Điều 10, Điều 12, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã quy định nghĩa vụ của người sản xuất, nhập khẩu, người bán hàng như sau: (i) tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa để duy trì chất lượng; (ii) thông báo điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật; (iii) áp

dụng các biện pháp để duy trì chất lượng hàng hóa trong vận chuyển, lưu trữ, bảo quản. Quy định này cũng phù hợp với khái niệm về truy xuất nguồn gốc (truy xuất nguồn gốc là hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh) được quy định tại TCVN 12850:2019 *Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc*.

Để triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng như nhận thức được lợi ích của việc truy xuất nguồn gốc trong tình hình kinh tế trong và ngoài nước thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100). Quyết định số 100/QĐ-TTg đã giao trách nhiệm cho Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng các văn bản, quy định về quản lý, xử lý vi phạm trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; xây dựng, vận hành và quản lý Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Có thể thấy, từ trước Đề án 100, hệ thống các văn bản pháp lý của Việt Nam về vấn đề truy xuất nguồn gốc xuất xứ còn rất sơ khai, chủ yếu là các văn bản quy định, hướng dẫn nhằm giải quyết một phần yêu cầu của thực tiễn vận hành, quản lý đặt ra, chưa mang tính tiêu chuẩn, quy chuẩn, chưa phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đang tồn tại một số vấn đề bất cập, cụ thể:

- Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc của Việt Nam chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất. Tem truy xuất nguồn gốc áp dụng trên các sản phẩm hiện nay chưa được chuẩn hóa về nội dung và hình thức, đặc biệt chưa có dấu hiệu nhận biết nên người tiêu dùng dễ nhầm lẫn với các dấu hiệu khác trên nhãn sản phẩm.

- Các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện tại mang tính khép kín, không có khả năng tương tác, liên kết, chia sẻ và trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác, khiến cho một bên cung ứng có thể phải tham gia nhiều hệ thống truy xuất nguồn gốc cùng lúc để đáp ứng yêu cầu bạn hàng khác nhau, thực tế các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện nay của doanh nghiệp còn mang tính “tự phát”, đa số các hệ thống truy xuất nguồn gốc đều sử dụng mã phân định có cấu trúc tự đặt chỉ có giá trị phân định trong phạm vi nội bộ. Ngoài ra, do không có sự quản lý và điều phối chung về cấu trúc mã phân định nên trường hợp trùng mã giữa các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác nhau rất có thể xảy ra.

- Thông tin truy xuất nguồn gốc chưa đáp ứng đúng yêu cầu về truy xuất. Để đáp ứng đầy đủ về thông tin truy xuất, doanh nghiệp cần phải có và duy trì một hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm thu thập và bổ sung thêm các thông tin sự kiện liên quan đến sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng.

- Chưa có chế tài quy định xử phạt vi phạm liên quan đến việc áp dụng truy xuất nguồn gốc dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dữ liệu truy xuất

nguồn gốc, từ đó làm giảm lòng tin và gây tâm lý e ngại của người tiêu dùng vào thực tế truy xuất của doanh nghiệp.

- Người tiêu dùng chưa được tuyên truyền, phổ biến để có hiểu biết đầy đủ về truy xuất nguồn gốc, tem truy xuất nguồn gốc.

- Thiếu đánh giá chứng nhận, cải tạo chất lượng hệ thống truy xuất nguồn gốc làm giảm hiệu quả hoạt động duy trì ổn định và cải tiến chất lượng của hệ thống truy xuất nguồn gốc. Ở Việt Nam chưa có mô hình đánh giá chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc, chưa có hệ thống đánh giá chứng nhận.

- Trách nhiệm các bên liên quan trong hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng chưa được quy định rõ, đặc biệt là trách nhiệm khai báo thông tin truy xuất, in và gắn tem truy xuất nguồn gốc. Nguyên nhân chính là do chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định, chưa có cơ quan được giao trách nhiệm quản lý thống nhất về truy xuất nguồn gốc.

Do đó, để triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg và có căn cứ để quản lý, thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua và để bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới, việc bổ sung quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP là hết sức cần thiết.

Việc bổ sung quy định quản lý về truy xuất nguồn gốc trong Nghị định số 132/2008/NĐ-CP sẽ mang lại các hiệu quả thiết thực như sau:

+ Xác định những nhiệm vụ cần triển khai, phương án và phân công trách nhiệm Bộ, ngành, các bên liên quan trong quá trình quản lý và thực thi hoạt động truy xuất nguồn gốc một cách bài bản, hiệu quả.

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc.

+ Tiến hành các biện pháp cần thiết như đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về truy xuất nguồn gốc.

+ Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam chủ động xây dựng, triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mã số mã vạch theo chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa, nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

+ Quản lý các sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam (do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam) bảo đảm an toàn cho người sử dụng ở thị trường trong nước và nước ngoài.

+ Thống nhất nguyên tắc, phương thức truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa nâng cao quản lý chất lượng, an toàn, vệ sinh sản phẩm, hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm, hàng hóa có chất lượng, đúng nguồn gốc xuất xứ.

+ Phù hợp với thực tiễn quản lý, bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới và trình độ phát triển công nghệ hiện nay (ví dụ việc truy xuất nguồn gốc cây đào, cây mai dịp Tết nguyên đán vừa qua theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại công văn số 529/VPCP-NN ngày 21/01/2021, trong đó Phó Thủ tướng đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn UBND tỉnh Sơn La và các địa phương có nhu cầu nghiên cứu kỹ lưỡng phương án truy xuất nguồn gốc cây đào, cây mai).

### 2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Triển khai quy định tại Điều 10, Điều 12, Điều 16 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Quyết định số 100/QĐ-TTg và có căn cứ để quản lý, thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua như (i) hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc của Việt Nam chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất; (ii) tem truy xuất nguồn gốc áp dụng trên các sản phẩm hiện nay chưa được chuẩn hóa về nội dung và hình thức; (iii) các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện tại mang tính khép kín, không có khả năng tương tác, liên kết, chia sẻ và trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác; (iv) thông tin truy xuất nguồn gốc chưa đáp ứng đúng yêu cầu về truy xuất (không duy trì một hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm thu thập và bổ sung thêm các thông tin sự kiện liên quan đến sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng).

### 2.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

#### **Phương án 1:**

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.
- Đối với tổ chức, cá nhân: không có.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua và để bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới.

- Đối với tổ chức, cá nhân: có căn cứ để triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc theo quy định, phù hợp với thông lệ quốc tế.

**Phương án 2:**

Giữ nguyên như hiện nay, không sửa đổi, bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

**a) Tác động tiêu cực:**

- Đối với Nhà nước: không thống nhất, chông chéo về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, không giải quyết được những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua và tụt hậu với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới.

- Đối với tổ chức, cá nhân: thiếu căn cứ để triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc, bị ảnh hưởng về uy tín, tốn kém về thời gian, kinh phí nếu thực hiện việc truy xuất nguồn gốc không phù hợp với thông lệ quốc tế.

**b) Tác động tích cực:**

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với tổ chức, cá nhân: không có.

**Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:**

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Chính phủ lựa chọn Phương án 1 là sửa đổi, bổ sung Mục 8 của Chương II quy định “Quản lý về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” và bổ sung Điều 19đ trong Mục 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Việc bổ sung quy định này so với các nội dung quy định tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg sẽ giúp có căn cứ để quản lý, thống nhất về nội dung truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, giải quyết những khó khăn, bất cập trong thời gian vừa qua và để bắt kịp với xu hướng phát triển, triển khai truy xuất nguồn gốc trên thế giới.

**2.3. Nội dung 3**

***Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điểm l và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).***

**2.3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và bất cập trong việc quản lý chất lượng các sản phẩm là kim loại quý, đá quý, cụ thể như sau:

**A. Đối với “công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời”:**

- Theo ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Chính phủ giao trách

nhệm cho Bộ Xây dựng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở. Tại điểm c khoản 2 (Công trình công cộng) của Phụ lục 1 - Phân công phân loại công trình xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng) quy định “c) Công trình thể thao: Công trình thể thao ngoài trời, công trình thể thao trong nhà và công trình thể thao khác”.

Việc xây dựng màn hình truyền quảng cáo ngoài trời, biểu hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có sẵn ***phải xin giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương*** trong những trường hợp sau đây: a) *Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 mét vuông trở lên*, b) *Xây dựng biểu hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 mét vuông kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn*; c) *Bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 mét vuông trở lên* (khoản 2 Điều 31 Luật Quảng cáo năm 2012).

Chủ sở hữu phương tiện quảng cáo ngoài trời có trách nhiệm: *khảo sát kỹ thuật, báo cáo về hiện trạng tuân theo các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng theo giấy phép của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng tại địa phương*; thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ theo quy định và đảm bảo các điều kiện an toàn cho phương tiện quảng cáo ngoài trời trong suốt thời gian thi công, xây dựng, lắp đặt cũng như thời gian tồn tại của phương tiện quảng cáo ngoài trời (tại khoản 1.3 Điều 3. Quy định về quản lý của QCVN 17:2018/BXD về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Theo Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, theo đó về đối tượng quảng cáo ngoài trời thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chức năng hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương và tổ chức thẩm định sản phẩm quảng cáo theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm quản lý đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” đã được giao cho Bộ Xây dựng.

#### ***Đối với “kim loại quý và đá quý”:***

Trong giai đoạn trước đây, việc quản lý hoạt động liên quan đến lĩnh vực đá quý được thực hiện theo *Quy chế quản lý các hoạt động trong lĩnh vực đá quý* ban hành kèm theo Nghị định số 65/CP ngày 13/10/1995 của Chính phủ (Nghị định 65/CP). Theo đó, các tổ chức có hoạt động liên quan tới lĩnh vực đá quý phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 65/CP và các văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 65/CP.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy định về trách nhiệm quản lý kim loại quý (trừ vàng thuộc trách nhiệm quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam) và đá quý nên trong thời gian vừa qua chưa có căn cứ để triển khai quản lý chất lượng đối với các mặt hàng này, dẫn đến chất lượng các mặt hàng này đang bị thả nổi, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng.

### 2.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thông nhất trách nhiệm quản lý chất lượng giữa các Bộ, ngành, tránh chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý, đá quý, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng.

### 2.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

#### ***Phương án 1:***

Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm 1 và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) theo hướng bãi bỏ trách nhiệm quản lý đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và bổ sung trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng “*kim loại quý và đá quý*” cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.
- Đối với tổ chức, cá nhân: không có.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: thống nhất trách nhiệm quản lý chất lượng giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng, tránh chồng chéo, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đồng thời, quy định rõ được trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng kim loại quý, đá quý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, làm căn cứ để triển khai công tác quản lý chất lượng, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng.

- Đối với tổ chức, cá nhân: thuận lợi trong quá trình thực thi pháp luật, quyền lợi của người tiêu dùng được bảo đảm.

#### ***Phương án 2:***

Giữ nguyên như hiện nay, không sửa đổi, bổ sung điểm 1 và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không thống nhất, chồng chéo trong quản lý chất lượng đối với cùng một loại sản phẩm, hàng hóa; đồng thời chưa quản lý được

chất lượng của kim loại quý, đá quý, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng.

- Đối với tổ chức, cá nhân: khó khăn trong quá trình thực hiện do sự chồng chéo giữa các Bộ, ngành; quyền lợi của người tiêu dùng bị ảnh hưởng.

b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với tổ chức, cá nhân: không có.

### ***Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:***

Do đó, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Chính phủ lựa chọn Phương án 1 là sửa đổi, bổ sung điểm l và điểm m khoản 2 và điểm g khoản 3 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) theo hướng bãi bỏ trách nhiệm quản lý đối với “*công trình thể thao và quảng cáo ngoài trời*” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và giao cho Bộ Xây dựng quản lý; bổ sung trách nhiệm quản lý chất lượng đối với mặt hàng “*kim loại quý và đá quý*” cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm căn cứ để triển khai công tác quản lý chất lượng, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng.

## **B. Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP**

### **I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

#### ***1. Bối cảnh xây dựng chính sách***

Để triển khai Luật Đo lường năm 2011, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường, Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định kiểm tra chuyên ngành; ban hành hơn 13 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, trong đó có Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN quy định kiểm tra nhà nước về đo lường, Quyết định số 2284/QĐ-BKHCN công bố Bảng mã HS đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. Đồng thời, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện.

Như vậy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Đo lường năm 2011 được ban hành đầy đủ. Các văn bản quy phạm pháp luật ban hành là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý nhà nước về đo lường (trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn, phép đo...). Qua gần 8 năm triển khai thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, công tác quản lý nhà nước về đo lường đã có nhiều chuyển biến tích cực theo sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Tuy

nhiên, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ một số tồn tại, vướng mắc cần xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

## **2. Một số khó khăn, vướng mắc**

Ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1258/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 1258/QĐ-TTg). Theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đối với Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn theo hướng: Chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cụ thể như sau:

Quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

Đồng thời, trong thời gian vừa qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến phản ánh của một số doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc liên quan đến kiểm tra phương tiện đo nhóm 2 nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP như sau:

- Thời gian thử nghiệm mẫu phương tiện đo kéo dài hơn 30 ngày;
- Phát sinh nhiều chi phí như lưu kho, đi lại làm thủ tục thông quan,...

Đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu, hiện tại Bộ Khoa học và Công nghệ chưa thể ban hành được Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 vì các nước ASEAN cũng như các quốc gia khác trong Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML) còn đang nghiên cứu, chưa thống nhất về việc ban hành Danh mục này.

Về công tác kiểm tra tăng cường, không có hồ sơ phát sinh do Bộ Khoa học và Công nghệ không nhận được ý kiến phản ánh của các cơ quan có liên quan, các doanh nghiệp hay người tiêu dùng. Vì vậy, hoạt động kiểm tra tăng cường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các Bộ, ngành có liên quan và cơ quan Hải quan không thực hiện trong suốt thời gian qua mà chủ yếu được chuyển sang thành hoạt động kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất do đơn vị Thanh tra Khoa học và Công nghệ thực hiện.

Do đó, việc rà soát, sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg và để bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế là vấn đề đặt ra cần phải giải quyết.

### **3. Mục tiêu ban hành chính sách**

Việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP nhằm đạt các mục tiêu:

1. Tiếp tục nghiên cứu, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp, phù hợp với quan điểm của Chính phủ trong nhiều năm trở lại đây là xây dựng Chính phủ kiến tạo.

2. Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp và mục tiêu quản lý Nhà nước.

3. Thi hành các cam kết về loại bỏ rào cản kỹ thuật đối với thương mại trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đang đàm phán như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định ASEAN...

## **II. Đánh giá tác động của chính sách**

### **1. Nội dung**

***Nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP liên quan đến quy định về việc phối hợp kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.***

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Hiện nay, Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu. Cụ thể là Cơ quan hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn nhập khẩu phù hợp quy định (Cơ quan Hải quan chỉ cho phép thông quan khi cơ sở nhập khẩu phương tiện đo đó có quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp).

Theo nội dung vướng mắc nêu tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg, việc quy định Cơ quan hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn nhập khẩu phù hợp quy định (theo quy định phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu trước khi thông quan). Tuy nhiên, thời gian thử nghiệm mẫu để phục vụ việc đăng ký phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí lên đến 60-90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa. Ngoài ra, việc kiểm tra tại khâu thông quan là không cần thiết vì tại thời điểm làm thủ tục thông quan hàng hóa chưa được sử dụng ngay nên chưa ảnh hưởng ngay đến sức khỏe, an toàn lao động.

#### **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu quản lý của Nhà nước.

### 1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

#### **Phương án 1:**

Đề nghị bỏ Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

Theo đó, sẽ bỏ quy định kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại các cửa khẩu và bỏ quy định Cơ quan Hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn nhập khẩu phù hợp quy định.

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

#### a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: Có thể sẽ khó khăn hơn khi thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với phương tiện đo nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

- Đối với tổ chức, cá nhân: Có thể lợi dụng quy định này để nhập khẩu phương tiện đo nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu không phù hợp quy định về đo lường vì không phải cung cấp Quyết định phê duyệt mẫu do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp và không phải cung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp.

- Phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát (hậu kiểm) phương tiện đo nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu trong lưu thông, buôn bán, sử dụng.

#### b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: Tạo môi trường thông thoáng cho các doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện đo nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Dễ dàng thông quan khi nhập khẩu phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

+ Giảm chi phí cho thời gian lưu kho, lưu bãi tại cơ quan Hải Quan.

+ Giảm chi phí cho hoạt động kinh doanh.

#### **Phương án 2:**

Đề nghị giữ nguyên quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

Theo đó, Cơ quan hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu phù hợp quy định (Cơ quan Hải quan chỉ cho phép thông quan khi cơ sở nhập khẩu phương tiện đo đó có quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường

Chất lượng cấp hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp).

Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

a) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước:

+ Cơ quan quản lý: Cần thêm nhân lực, đầu tư trang thiết bị về chuẩn, phòng thử nghiệm để rút ngắn thời gian thử nghiệm mẫu, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đáp ứng kịp thời gian thông quan cho doanh nghiệp.

+ Cơ quan Hải quan: Cần thêm nhân lực, cải cách hành chính để làm thủ tục thông quan và cần đầu tư thêm kho, bãi để lưu các phương tiện đo trong quá trình làm thủ tục cấp giấy phép chuyên ngành.

- Đối với tổ chức, cá nhân:

+ Chi phí thêm nhiều về thời gian để thử nghiệm mẫu và làm thủ tục đăng ký phê duyệt mẫu.

+ Chi phí vào việc lưu kho, lưu bãi tại cơ quan Hải Quan.

+ Tăng chi phí cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn nhập khẩu, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước.

- Đối với tổ chức, cá nhân: nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình nhập khẩu, bảo đảm chất lượng, đo lường của phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

## **2. Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ:**

Tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 86/2012/NĐ-CP của 7 bộ, ngành trực thuộc Chính phủ (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ NN&PT Nông thôn, Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính) và 34 địa phương (Sóc Trăng, Bến Tre, Cà Mau, Kiên Giang, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Hòa Bình, Quảng Bình, Điện Biên, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Bạc Liêu, Đắk Nông, Hà Nam, Lâm Đồng, Nam Định, Yên Bái, Tiền Giang, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Giang, An Giang, Bình Định, Quảng Trị, Thái Bình, Hưng Yên, Khánh Hòa, Hà Nội, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bắc Kạn, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Kon Tum), cụ thể như sau:

a) Thực thi trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường theo Nghị định 86/2012/NĐ-CP được đánh giá như sau:

- Rõ ràng, không chồng chéo.

- Thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động quản lý của mình.

- Phát huy được hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về đo lường.

- Hàng năm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện kiểm tra kiểm tra thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc khi phát hiện có hành vi vi phạm về chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn; các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh.

- Công tác kiểm tra nhà nước về đo lường ở cấp xã chưa thực hiện được, do chưa có cán bộ theo dõi và quản lý thực hiện nhiệm vụ công tác đo lường tại địa phương.

b) Hoạt động về việc phối hợp kiểm tra kiểm tra phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn theo Nghị định 86/2012/NĐ-CP được đánh giá như sau:

- Đối với hoạt động phối hợp kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu: đã có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về đo lường với cơ quan hải quan tại các cửa khẩu. Tuy nhiên, sau tám năm thực hiện, đã bộc lộ một số bất cập như sau:

+ Thời gian phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí có một số mặt hàng lên đến 60 - 90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

+ Không đủ kho, bãi để lưu giữ phương tiện đo.

+ Phát sinh nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

Với những bất cập nêu trên, kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương tập trung giải quyết vấn đề: Chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng.

- Đối với hoạt động phối hợp kiểm tra phương tiện đo, chuẩn đo lường, lượng của hàng đóng gói sẵn trong lưu thông, buôn bán, sử dụng và tại nơi sản xuất: đã thực hiện tốt, phát huy được hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về đo lường.

c) Kiến nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ vào các phương án đánh giá tác động nêu trên và báo cáo đánh giá thực thi Nghị định 86/2012/NĐ-CP nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Chính phủ lựa chọn Phương án 1 là bỏ Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.

Như vậy, sẽ không quy định kiểm tra phương tiện đo nhóm 2, lượng hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu tại các cửa khẩu và bỏ quy định Cơ quan Hải

quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn nhập khẩu phù hợp quy định.

Trên đây nội dung báo cáo đánh giá tác động của các chính sách trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và biện pháp thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa./

---